

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 101/2023/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 7 năm 2023

(V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Thanh Tân – Giáo viên Trường tiểu học Y I.
2. Bà Nguyễn Thị Hằng – Trưởng phòng Dân số huyện Y.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vinh Quy – Thẩm tra viên TAND huyện Y.

Đại diện VKSND huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 109/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” và Thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc “*Xác định cha cho con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2023/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2023/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1989, (có mặt);
HKTT: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh H
Cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện A, tỉnh H.
2. **Bị đơn:** Anh Đỗ Đức H, sinh năm 1991, (vắng mặt);
HKTT và Cư trú: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh H
3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
 - 3.1. Cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 14/4/2015, (vắng mặt);
Người giám hộ cho cháu Q: Chị Nguyễn Thị S và anh Đỗ Đức H (bố, mẹ đẻ)
 - 3.2. Cháu dự kiến đặt tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/5/2022, (vắng mặt);
Người giám hộ cho cháu N: Chị Nguyễn Thị S (mẹ đẻ)
 - 3.3. Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978, (vắng mặt);
Cư trú: thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh H;
4. **Người làm chứng:**
 - 4.1. Bà Đặng Thị Ng, sinh năm 1968, (vắng mặt);

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh H

4.2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1966, (vắng mặt);

Cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện A, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2022, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 20/3/2023 và bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị S trình bày:

Chị kết hôn với anh Đỗ Đức H trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 23/01/2013. Kết hôn xong chị S về chung sống với anh H, sống cùng bố mẹ và anh chị của anh H, quá trình chung sống vợ chồng thường nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, gia đình nhiều thế hệ sống phức tạp, anh H không có lập trường riêng nên chỉ nghe lời mẹ, chị và anh H thường xuyên bất đồng quan điểm, không cùng nhau xây dựng kinh tế gia đình, nhiều lần chị S đã bỏ đi không chung sống với anh H nữa, nhưng sau đó, vì thương con nên chị lại quay về, tuy nhiên do anh H nhu nhược, không quan tâm chăm sóc vợ con, dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng ngày một trầm trọng hơn, đến tháng 7/2021 chị và anh H chính thức ly thân, từ khi chị và anh H ly thân, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai biết người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thương yêu, quý trọng nhau nữa, cuộc sống chung không thể hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có một con chung là cháu Đỗ Minh Q sinh ngày 14/4/2015. Kể từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu đều đang ở với chị. Ly hôn nguyện vọng của chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, xong anh H có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai ngăn cản. Hiện nay chị làm công nhân tại Công ty TNHH TMXD Đ mức thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 8.500.000 đồng/ tháng, ngoài ra chị còn bán thêm hàng online mức thu nhập mỗi tháng khoảng 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Hiện nay chị ở với bố mẹ đẻ ở P, Đ, A.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và các vấn đề khác của chị và anh H: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết

Chị S trình bày ngoài ra trong thời gian ly thân với anh H chị có quan hệ tình cảm một lần với anh Nguyễn Văn N ở thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh H dẫn đến có thai và ngày 16/5/2022 chị đã sinh được một cháu dự kiến đặt tên là Nguyễn Bảo N, cháu N không phải con chung của chị và anh H mà là con của chị và anh N, sau khi sinh cháu chị đã nói chuyện với anh N và chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y xác định anh Nguyễn Văn N là cha đẻ của cháu dự kiến đặt tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/5/2022 theo Giấy chứng sinh ngày 23/5/2022 của Bệnh viện đa khoa P, tỉnh H

* *Bị đơn anh Đỗ Đức H trình bày:* Anh H xác nhận việc kết hôn, con chung, mâu thuẫn và ly thân của vợ chồng anh như chị S trình bày, nay anh H xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị S không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể đoàn tụ được nữa nên anh N trí ly hôn.

Về con chung: Anh H công nhận vợ chồng có một con chung là cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 14/4/2015. Từ khi vợ chồng ly thân cháu đều ở với chị S. Ly hôn anh đề nghị

được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Q đến khi thành niên, không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang làm công nhân tại Công ty R mức thu nhập 7,5 đến 8 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và các vấn đề khác của anh và chị S đều không có gì liên quan nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập và gửi Thông báo cho anh H để anh H trình bày ý kiến về việc chị S đề nghị xác định cha cho con, tuy nhiên anh H không đến làm việc và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án.

* *Cháu Q trình bày:* Từ khi bố mẹ cháu không chung sống với nhau thì cháu đều ở với mẹ và ông bà ngoại tại A, điều kiện cuộc sống rất tốt, bố cháu thỉnh thoảng vẫn đón đưa cháu về thăm ông bà nội, nếu bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu mong được tiếp tục ở với mẹ cháu.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N trình bày:* Vào khoảng cuối năm 2021 anh có quen biết với chị S, chị S có nói là đang ly thân với chồng, anh lại đã bỏ vợ nên hai bên có phát sinh quan hệ tình cảm, sau đó thì không có liên lạc gì với nhau nữa, chị S mang thai anh không biết chỉ gần đây chị S có gửi con trai của chị và chồng chị tại trường mầm non V và anh N có gặp lại chị S, sau đó chị S có nói chị mới sinh một cháu trai là con của anh, cháu có tên dự kiến trong giấy chứng sinh là Nguyễn Bảo N. Nay chị S và anh H chồng chị S làm đơn xin ly hôn và chị S có đề nghị Tòa án xác định anh là cha của cháu dự kiến đặt tên Nguyễn Bảo N theo Giấy chứng sinh ngày 23/5/2022 của Bệnh viện đa khoa P, H, anh và cháu N đã đi giám định ADN, kết quả cháu N và anh có quan hệ huyết thống cha con, cho nên anh N trí với yêu cầu chị Nguyễn Thị S, đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu dự định đặt tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/5/2022 theo Giấy chứng sinh số 02 quyển 07 ngày 23/5/2022 của Bệnh viện Đa khoa P – H.

* *Người làm chứng bà Đặng Thị Ng trình bày:* Về quan hệ vợ chồng, con chung, mâu thuẫn và thời gian ly thân của chị S và anh H như anh chị trình bày. Việc chị S xin ly hôn, gia đình bà không có ý kiến gì mà chỉ đề nghị Tòa án cho anh H được nuôi dưỡng cháu Đỗ Minh Q đến khi thành niên, bà và gia đình sẽ hỗ trợ anh H trong việc nuôi dưỡng cháu Q.

* *Người làm chứng bà Nguyễn Thị H1 trình bày:* Về quan hệ vợ chồng, con chung, mâu thuẫn và thời gian ly thân của chị S và anh H như anh chị trình bày. Việc chị S xin ly hôn anh H, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị S, nếu Tòa án giao con chung cho chị S thì bà và gia đình bà sẽ tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ở và trông nom cháu Q giúp chị S.

* *UBND xã Đ cung cấp:* Việc kết hôn, mâu thuẫn, ly thân, con chung của chị S và anh H như anh chị trình bày. Chị S xin ly hôn anh H, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Trường tiểu học xã V cung cấp:* Cháu Q hiện học lớp 2A1 tại trường, quá trình học tập cháu phát triển tốt về cả thể chất và tinh thần, chị S là người đưa đón và thường xuyên thăm hỏi việc học của cháu, cũng như đóng học phí cho cháu đầy đủ. Nhà trường không thấy anh H gọi điện thăm hỏi việc học của cháu Q lần nào.

Tại phiên tòa:

- Chị S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bổ sung đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, do cháu Q còn bé nên đề nghị giao cháu Q cho chị được tiếp tục chăm sóc cháu đến khi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị, anh H và gia đình anh H có quyền đón đưa, thăm hỏi, chăm sóc cháu Q chị không ngăn cản. Hiện nay chị làm công nhân tại Công ty TNHH TMXD Đ mức thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 8.500.000 đồng/ tháng, ngoài ra chị còn bán thêm hàng online mức thu nhập mỗi tháng khoảng 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Hiện nay chị ở với bố mẹ đẻ ở P, Đ, A. Ngoài ra chị đề nghị HĐXX xác định anh Nguyễn Văn N là cha đẻ của cháu dự kiến đặt tên Nguyễn Bảo N và tiếp tục giao cháu N cho chị được nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi cháu N. Chị S đề nghị HĐXX miễn án phí xác định cha cho con.

- Quan điểm của Đại diện VKSND huyện Y xác định toàn bộ quá trình giải quyết, điều tra, xác minh vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Về phía nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, phía bị đơn anh H không chấp hành dẫn đến phiên tòa phải hoãn. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bổ sung của chị Nguyễn Thị S.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đỗ Đức H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn N vắng mặt có lý do, anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh H, anh N là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị S khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết ly hôn anh H nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh H là bị đơn cư trú tại Xã Đ, huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Y theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Đỗ Đức H đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 23/01/2013 nên hôn nhân của chị S và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống chị S và anh H thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng và đã chính thức ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay, trong thời gian ly thân không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai chỉ biết của người đó. Chị S xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên xin ly hôn anh H, anh H nhất trí ly hôn. HĐXX thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh H đã trở nên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần xử cho chị S được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị S và anh H đều công nhận vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Minh Quân, sinh ngày 14/4/2015. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu

đều ở với chị S. Chị S và anh H đều có nguyện vọng nuôi con chung. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị S và anh H là chính đáng, tuy nhiên hiện cháu Q còn nhỏ, từ khi hai vợ chồng sống ly thân đến nay thì cháu Q đều sống với chị S điều kiện cuộc sống của cháu ổn định, nguyện vọng của cháu Q muốn được tiếp tục ở với chị S, chị S có thu nhập ổn định, nên để ổn định cuộc sống của con chung cần tiếp tục giao cháu Q cho chị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu đến khi thành niên, ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81,82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình. Chị S là đại diện hợp pháp cho cháu Q theo quy định tại Điều 73 Luật Hôn nhân và gia đình.

Vì lợi ích của con chung chị S, anh H, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị S và anh H đều không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với việc chị S đề nghị Tòa án xác định anh Nguyễn Văn N là cha của cháu dự định đặt tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/5/2022. HĐXX thấy, vào khoảng cuối năm 2021, trong lúc chị S và anh H đang ly thân chị S có phát sinh quan hệ tình cảm với anh Nguyễn Văn N có thai, ngày 16 tháng 5 năm 2022 chị S đã sinh con tại Bệnh viện Đa khoa P – H và dự định đặt tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/5/2022 theo Giấy chứng sinh số 02 quyền 07 ngày 23/5/2022 của Bệnh viện Đa khoa P – H, việc này anh Nguyễn Văn N cũng thừa nhận có quan hệ tình cảm với chị S, dẫn đến có thai và sinh cháu Nguyễn Bảo N, anh N trí đề nghị Tòa án xác định anh là cha của cháu Nguyễn Bảo N theo yêu cầu của chị S.

Tại kết luận giám định ADN của Viện pháp y quốc gia số 227/KLGĐADN-PYQG ngày 12/4/2023 kết luận anh Nguyễn Văn N có quan hệ huyết thống cha – con với cháu bé dự định đặt tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/5/2022; Giấy chứng sinh số 02 quyền 07 ngày 23/5/2022, độ tin cậy 99,9999%

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định anh Nguyễn Văn N là cha đẻ của cháu dự định đặt tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/5/2022 trong giấy chứng sinh số 02 quyền 07 ngày 23/5/2022, Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S về việc xác định anh N là cha đẻ cháu Nguyễn Bảo N là đúng pháp luật. Tiếp tục giao cháu N cho chị S nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị S là đại diện hợp pháp cho cháu N.

[6] Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án

Chị Nguyễn Thị S đề nghị được miễn án phí xác định cha cho con theo quy định của pháp luật nên HĐXX căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về

mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí xác định cha cho con của chị S.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 88, 89, 91, 101, 102, 73 Luật hôn nhân và gia đình; xử:

2. Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn anh Đỗ Đức H.

3. Về con chung: Giao cháu Đỗ Minh Q, sinh ngày 14/4/2015 cho chị Nguyễn Thị S được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Q thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Chị S là đại diện hợp pháp cho cháu Q.

Vì lợi ích của con chung chị S, anh H, tổ chức, cá nhân có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác của chị S, anh H: Không đặt ra giải quyết.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bổ sung của chị Nguyễn Thị S

Tuyên bố anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1978, Cư trú: thôn M, xã V, huyện Y, tỉnh H là cha đẻ của cháu dự định đặt tên Nguyễn Bảo N, sinh ngày 16/5/2022 theo Giấy chứng sinh số 02 quyển 07 ngày 23/5/2022 của Bệnh viện đa khoa P- tỉnh H.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị S đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009285 ngày 04/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, hoàn trả chị S số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009466 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- UBND xã Đ;
- Chi cục THADS huyện Y;
- TAND tỉnh H;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên

